TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 23/02/2024
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thời;

2. Ông Lê Đức Lam.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên toà:* Ông Phạm Duy Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974; Địa chỉ: số 419 đường 2/4, TDP N, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; Địa chỉ: số 421 đường 2/4, TDP N, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt không có lý do).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972; Địa chỉ kinh doanh: số 420 đường 2/4, TDP N, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ nhà: 07 P, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hồng NH, sinh năm: 1975; Địa chỉ kinh doanh: số 420 đường 2/4, TDP N, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ nhà: 07 P, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt không có lý do).

- Bà Nguyễn Thị HA; sinh năm: 1966; Địa chỉ: số 421 đường 2/4, TDP N, thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt không có lý do).

- Bà Nguyễn Ngọc THU, sinh năm: 1978; Địa chỉ: số 52 thôn S, xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà có cha là Nguyễn Văn Đạt và mẹ là Nguyễn Thị Thắm. Cụ Đạt và cụ T5 có 07 người con chung là ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Phương, bà Nguyễn Ngọc THU bà Nguyễn Thị Liên và bà là Nguyễn Thị N. Ngoài ra cụ Đạt và cụ T5 không có con nuôi, con riêng. Cha mẹ bà có các thửa đất số 02 tờ bản đồ số 14 thị trấn THM, diện tích 201m^2 đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 830913, trên đất có căn nhà cấp 4; thửa đất 1142 tờ bản đồ số 16 thị trấn THM, diện tích 280m^2 đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ312079 và thửa đất số 02 tờ bản đồ số 16 thị trấn THM, diện tích 1.000m^2 đất nông nghiệp theo Giấy chứng nhận QSD đất số M516151 đều đứng tên cụ T5. Thửa đất 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn THM, diện tích 850m^2 đất nông nghiệp theo Giấy chứng nhận QSD đất số AP777212 đứng tên cụ Đạt. Ngày 06/6/2011 cụ Đạt và cụ T5 có lập di chúc chia một phần tài sản cho các anh chị em trong gia đình, phần còn lại để cha mẹ làm ăn sinh sống. Nội dung di chúc thì cụ Đạt và cụ T5 gộp các thửa đất 02 tờ bản đồ 14, thửa 1142 tờ bản đồ số 16 và thửa 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn THM để phân chia cho bà diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; bà Nguyễn Thị Thùy được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; bà Nguyễn Thị L được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; bà Nguyễn Thị Phương được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; ông Nguyễn Văn T được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; ông Nguyễn Văn H được chia diện tích đất ngang 5m, dài 20m, trong đó có 15m^2 đất ở đô thị; ông Nguyễn Văn H1 được chia diện tích đất ngang 7m chạy thẳng xuống vườn, đường đi vào cầu ông Thiều và 03m đất mặt tiền còn lại thì để làm đường đi. Bản di chúc này đã được UBND thị trấn THM chứng thực vào ngày 09/6/2011. Ngày 07/11/2013, cụ Đạt chết thì cụ T5 nhận thấy bản di chúc chung không thể thực hiện được vì không thể chia đất trên thực tế nên ngày 06/5/2016 cụ T5 đã đến UBND thị trấn THM để hủy bỏ phần di chúc của mình trong bản di chúc lập chung với cụ Đạt vì bản di chúc không thể hiện đúng nguyện vọng, ý chí của mình và việc phân chia tài sản theo như bản di chúc thì không thể thực hiện được trên thực tế vì không xác định được vị trí đất của từng người được hưởng, không thể chia cho mỗi người 15m^2 đất ở đô thị được và cũng sẽ lấn vào 08m chiều sâu của thửa đất số 02 tờ bản đồ số 16 thị trấn THM mà không có trong bản di chúc dẫn đến mâu thuẫn. Sau đó, cụ T5 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố phần di chúc của của cụ Đạt trong bản di chúc chung vợ chồng ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn THM chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu để cụ T5 và các anh chị em trong gia đình thỏa thuận phân chia lại tài sản cho phù hợp với thực tế. Nguyện vọng của cụ T5 đã đạt được vì

Tòa án đã tuyên bố phần di chúc của cụ Đạt trong bản di chúc chung với cụ T5 vô hiệu và hủy bỏ di chúc theo bản án số 11/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Sau khi Di chúc bị hủy bỏ, các anh chị em của bà cùng cụ T5 đã thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo đó là chuyển toàn bộ tài sản của cha mẹ cho cụ T5 đứng tên xong sau đó cụ T5 làm thủ tục cho đất các con bằng cách tách thửa chia lại cho từng anh chị em trong gia đình mỗi người một lô đất và đã được các anh chị em trong gia đình thống nhất. Do vậy, sau khi làm thủ tục sang tên tài sản sang cho cụ T5 thì cụ T5 đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho bà thửa đất số 534. Cụ T5 cho ông H và ông T chung một thửa đất số 533 và nói rằng sau này đất của ai thì người đó sử dụng và yêu cầu ông H và ông T di chuyển nhà theo đúng phần đất cụ T5 cho các con và trả lại phần mặt bằng mà ông H và ông T đang sử dụng trên phần đất thửa 534 cho bà để bà làm nhà nhưng ông H và ông T không chịu và đặt điều nói rằng các ông đã thuê của cha (cụ Đạt) nên 50 năm nữa ông H và ông T mới trả đất.

Trên phần đất của bà hiện nay (thửa 534) thì phía sau là đất trũng nên ông H và ông T không sử dụng mà chỉ có phần nhà tiền chế của ông T, bà Nhung (làm tiệm sửa chữa mô tơ) và một phần nhà tiền chế của ông H, bà Hài (bán phân thuốc). Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Hài và vợ chồng ông T, bà Hồng Nhung phải tháo dỡ phần nhà tiền chế hiện hữu trên thửa đất 534 của bà, giao trả lại mặt bằng để bà làm nhà nuôi dưỡng mẹ già. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị HA và bà Nguyễn Thị Hồng NH trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc THU trình bày: ông T và ông H là anh ruột của bà và bà là chủ sử dụng thửa đất số 535, tờ bản đồ số 17 thị trấn THM đúng như sơ đồ bản vẽ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương lập ngày 11/4/2023. Nguồn gốc thửa đất 535 của bà và thửa đất số 534 của bà Nhung là do gia đình bà phân chia di sản thừa kế và bà được hưởng phần đất thửa 535 như bà Nhung trình bày. Theo sơ đồ trên thì phần nhà tiền chế của ông T có dựng trên một phần đất của bà thì bà cho rằng tuy phần đất của bà có một phần nhà của ông T sử dụng nhưng đó là nhà tiền chế đơn giản, chủ yếu là ảnh hưởng đến phần đất của bà Nhung. Mặt khác bà cho rằng nếu yêu cầu khởi kiện của bà Nhung là đúng thì khi ông T tháo dỡ nhà giao mặt bằng cho bà Nhung thì đương nhiên phần nhà đó ông T cũng phải dỡ chứ không thể nào di chuyển sang phần đất của bà được. Bà cũng chưa có nhu cầu sử dụng đất nên bà không có tranh chấp gì với ông T về phần nhà tiền chế ông T đã làm trên một phần nhỏ đất của bà. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập hợp lệ các bên đương sự trong vụ án đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc

THU có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị HA (vợ ông H), bà Nguyễn Thị Hồng NH (vợ ông T) vắng mặt. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không T hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị HA, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng NH vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị HA, bà Nguyễn Thị Hồng NH không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị HA, bà Nguyễn Thị Hồng NH. Tuyên buộc ông H, ông T, bà Hài, bà Hồng Nhung phải có nghĩa vụ tháo dỡ phần nhà tiền chế, trả lại cho bà Nguyễn Thị N phần đất đã xây dựng nhà tiền chế thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 17 Thị trấn THM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị N cho rằng bà được mẹ là cụ Nguyễn Thị Thắm cho phần đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 17 thị trấn THM sau khi cụ T5 khởi kiện và được chấp nhận về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố phần di chúc của cụ Đạt trong bản di chúc chung vợ chồng với cụ T5 ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn THM chứng thực ngày 09/6/2011 vô hiệu theo bản án số 11/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Sau khi di chúc bị hủy bỏ, các thành viên trong gia đình đã để cụ T5 đứng tên toàn bộ tài sản và làm thủ tục tách thửa và tặng cho bà Nhung thửa đất số 534, cho ông H và ông T chung một thửa đất số 533 thuộc tờ bản đồ số 17 thị trấn THM. Tuy nhiên, sau khi chia đất như trên, bà Nhung yêu cầu vợ chồng ông H và vợ chồng ông T di chuyển nhà theo đúng phần đất cụ T5 cho các con và trả lại phần đất ông H và ông T đang sử dụng trên phần đất thửa 534 cho bà để bà làm nhà nhưng ông H và ông T không đồng ý nên nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị HA và bà Nguyễn Thị Hồng NH, bà Nguyễn Ngọc THU; Bị đơn ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại thị trấn THM

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị HA, bà Nguyễn Thị Hồng NH đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các ông bà và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho các ông bà theo thủ tục chung. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc THU có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà và dành quyền kháng cáo cho bà theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Xét diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Theo sự chỉ dẫn hiện trạng của nguyên đơn và thông qua việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ thì sau khi có kết quả bản vẽ đo đạc hiện trạng vị trí tranh chấp của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương lập ngày 11/4/2023 đã xác định được vị trí và diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc một phần nhà tiền chế (ký hiệu là T của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị HA có diện tích 15m^2 và T1 của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng NH có diện tích 46m^2) được dựng trên một phần diện tích đất thửa 534 thuộc quyền sử dụng của bà Nhung và thửa 535 của bà Nguyễn Ngọc THU tờ bản đồ số 17, thị trấn THM, huyện Đơn Dương.

Trong vụ án này, bà Nguyễn Ngọc THU không có tranh chấp gì với vợ chồng ông T về phần nhà tiền chế ông bà xây dựng trên một phần đất thửa 535 của bà nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng ông H và vợ chồng ông T cũng không đến Tòa án làm việc, trình bày lời khai; Tòa án cũng đã tống đạt kết quả đo vẽ, thông báo số 02/TB-TA ngày 19/10/2023 để ông bà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nhung nhưng ông bà cũng không có ý kiến cũng như yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án. Mặt khác, Tòa án cũng đã công bố công khai tất cả các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông báo cho vợ chồng ông H và vợ chồng ông T được biết nhưng các ông bà không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định toàn bộ các tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thấy rằng: về nguồn gốc diện tích đất thửa 534 tờ bản đồ số 17 thị trấn THM theo bà cho biết là bà được mẹ là cụ T5 cho có sự đồng ý của cụ T5 và tất cả các anh chị em trong gia đình bà (bao gồm cả ông H và ông T). Lời trình bày này cũng được bà Nguyễn Ngọc THU thống nhất. Theo các tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương cung cấp thể hiện nguồn gốc các thửa đất 533, 534, 535, 536, 537, 538 được

tách ra từ thửa 262 cũ trước đây và đứng tên chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị Thắm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 076528 được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/8/2020 (cấp sau khi bản án số 11/2018/DS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương có hiệu lực về việc hủy bỏ di chúc chung của cụ T5 và cụ Đạt trong đó có thửa 262). Như vậy có thể thấy rằng lời trình bày của bà Nhung về việc cụ T5 và các anh chị em trong gia đình trong đó có ông T và ông H thống nhất để cụ T5 đứng tên toàn bộ thửa đất 262 để cụ T5 làm thủ tục tách thửa đất 262 cho chung ông H, ông T thửa đất số 533; cho bà Nhung thửa đất số 534 là có căn cứ. Từ khi được cụ T5 tặng cho và bà Nhung được cấp thửa đất 534, ông H và ông T được cấp thửa đất 533 cho đến nay thì các ông không có ý kiến tranh chấp gì với bà Nhung về ranh giới giữa thửa 533 của mình với thửa 534 của bà Nhung.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng việc bà Nhung được cụ T5 tặng cho quyền sử dụng đất thửa 534, tờ bản đồ số 17 thị trấn THM là hợp pháp nên quyền sử dụng thửa đất nói trên của bà Nhung cần được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Theo sơ đồ đo vẽ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương lập ngày 11/4/2023 thể hiện một phần nhà tiền chế của vợ chồng ông H, bà Hài (ký hiệu là T) và một phần nhà tiền chế của ông T, bà Hồng Nhung (ký hiệu là T1) tuy được xây dựng từ trước đó trên một phần thửa đất số 534 của bà Nhung nhưng phần đất này không phải của các ông bà thì các ông bà phải có nghĩa vụ tháo dỡ các phần nhà tiền chế (T) và (T1) để trả lại cho bà Nhung phần đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 17 thị trấn THM, huyện Đơn Dương.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền chi phí tố tụng đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và tòa án đã chi phí hết. Tại phiên tòa, nguyên đơn nhận chịu số tiền trên, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại nên không đề cập đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 157, 165, 191, 196, 197, 209, 212, 214, 216, 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 158, 166, 236 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị HA, bà Nguyễn Thị Hồng NH.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị HA và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng NH có nghĩa vụ tháo dỡ các phần nhà tiền

chế (ký hiệu là T và T1) và trả lại cho bà Nhung phần đất các ông bà đã xây dựng nhà tiền chế thuộc thửa đất 534, tờ bản đồ số 17 thị trấn THM, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (theo như sơ đồ bản vẽ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 11/4/2023 – sơ đồ này là một phần không thể tách rời của bản án).

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị HA phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và buộc vợ chồng ông ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng NH phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009014 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Đình Anh Vũ